

Bản án số: 09/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11/08/2017.

V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Trí Lý.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Tuyết và Ông Nguyễn Thế Hằng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Hải Lý - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:

Ông Nguyễn Tất Tại - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 08 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 96/2017/TLST - HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2017 về tranh chấp về hôn nhân và gia đình; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2017/QĐXXST - HNGĐ, ngày 07/7/2017. Giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị L, sinh năm 1977.

Trú tại: Khố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1968.

Trú tại: Khố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 18/3/2017, trong quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Sau khoảng một năm tìm hiểu, tôi và ông Nguyễn Hồng L đã thống nhất tiến tới hôn nhân về sống chung với nhau từ cuối năm 1998, đồng thời đăng ký kết hôn theo quy định ngày 30/10/1999 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tình yêu tự nguyện.

Quá trình sống chung, chúng tôi hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xô xát với nhau. Mặc dù chúng tôi đã cố

gắng hòa giải để tiếp tục chung sống với nhau nhưng thời gian gần đây mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng không thể kéo dài và cũng không thể hòa giải. Nay hôn nhân không còn hạnh phúc, tình cảm đã không còn với nhau, nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 03 con chung, gồm: Cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999; Cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả ba con chung cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nguyễn Hồng L cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, tôi không có yêu cầu gì thêm.

* Tại bản tự khai ngày 15/6/2017, bị đơn ông Nguyễn Hồng L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với bà Trần Thị L vào năm 1998. Quá trình sinh sống từ năm 1998 đến năm 2010, vợ chồng sinh sống hạnh phúc. Từ năm 2010 đến nay, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Tôi có nặng lời với vợ nhiều lần nên vợ tôi bức xúc và làm đơn xin ly hôn. Nguyện vọng của tôi là đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng tôi được hòa thuận, có trách nhiệm lo cho các con. Nếu Tòa án hòa giải nhưng vợ tôi không nghe thì tôi xin làm theo ý kiến của vợ, để giải thoát cho vợ tôi.

- Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng tôi có 03 con chung, gồm: Cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999; Cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011.

Tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng các con chung.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự, triệu tập các bên đương sự, thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, do bị đơn ông Nguyễn Hồng L cố tình vắng mặt không có lý do, vì vậy vụ án không thể tiến hành hòa giải được. Căn cứ vào Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Ngày 25 tháng 07 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar mở phiên tòa xét xử vụ án, nhưng bị đơn ông Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị L vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng L vắng mặt không có lý do lần hai. Căn cứ, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Hồng L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp

hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70, 71, 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Thời hạn giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Việc kết hôn giữa ông L, bà L là hoàn toàn tự nguyện, đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung giữa ông L và bà L phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L xin được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L.

+ Về con chung: Bà L có đủ điều kiện để chăm sóc các con chung và nguyện vọng của các con là xin được ở với bà L. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giao các cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999; cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011 cho bà Trần Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi trưởng thành.

+ Về tài sản chung, nợ chung không yêu cầu, nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Xét nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết của các đương sự trọng vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, đồng thời thụ lý giải quyết vụ án đúng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hồng L về sống chung với nhau từ năm 1998, đăng ký kết hôn vào ngày 30/01/1999, tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện K trên cơ sở tình yêu tự nguyện. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Sau khi về sống chung bà L, ông L sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nên bà L có nguyện vọng xin được ly hôn, tuy nhiên ông L xin được về đoàn tụ, sống chung lại với nhau để chăm sóc các con chung.

Xét lời khai của các bên đương sự, căn cứ vào kết quả xác minh tại chính quyền địa phương nơi ông L, bà L sống, xác định cuộc sống hôn nhân giữa ông L, bà L trong quá trình sống chung đã xảy ra nhiều mâu thuẫn kéo dài, nguyên nhân là do các bên không thật sự hiểu nhau, không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống hôn nhân cũng như công việc làm ăn dẫn đến vợ chồng không tin tưởng vào

nhau, nên thường xảy ra tình trạng ghen tuông, cự cãi với nhau, thêm vào đó, ông L thường xuyên uống rượu về đánh đập bà L. Mặc dù, đã được chính quyền địa phương nhiều lần hòa giải nhưng vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông L, bà L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn hạnh phúc, do đó áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 để xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn với ông L, đề nghị của Viện kiểm sát nhân huyện Ea Kar chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân là có cơ sở nên cần chấp nhận và đồng thời không chấp nhận đối với yêu cầu xin về đoàn tụ của ông L.

[3] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hồng L có 03 con chung, gồm: Cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999; cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011. Nguyên vọng của cả bà L và ông L đều xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung; ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar cho rằng bà L xin được trực tiếp chăm sóc cả ba con chung là có đủ điều kiện, phù hợp với nguyên vọng của các con, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L. Tuy nhiên, xét về điều kiện kinh tế, bà Trần Thị L hiện nay nghề nghiệp là buôn bán có thu nhập trung bình từ 04-05 triệu/tháng và ông Nguyễn Hồng L cũng không có công việc để tạo thu nhập ổn định, nên cả hai không có khả năng một mình chăm sóc cùng lúc cho cả 3 con chung. Do đó, để đảm bảo cho các cháu có điều kiện sống, học tập tốt nhất, Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần nguyên vọng của các bên, một phần quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999 cho ông Nguyễn Hồng L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến khi cháu Thùy T1 tròn mười tám tuổi; giao cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011 cho bà Trần Thị L trực tiếp, chăm sóc nuôi dưỡng đến khi các cháu Thảo T2, cháu T3 tròn mười tám tuổi.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hồng L được quyền đi lại, thăm và chăm sóc con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị L phải chịu tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 39, Điều 195, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Trần Thị L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Hồng L.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Thảo T2, sinh ngày 26/02/2006 và cháu Nguyễn Minh T3, sinh ngày 30/11/2011 cho bà Trần Thị L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Trần Thùy T1, sinh ngày 21/9/1999 cho ông Nguyễn Hồng L trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi tròn 18 tuổi.

Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

Bà Trần Thị L và ông Nguyễn Hồng L được quyền đi lai thăm, chăm sóc con chung và thực hiện các quyền, nghĩa vụ được quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và Gia đình.

- Về tài sản chung, nợ chung và tài sản cho người khác vay: Các đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Trần Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí mà bà Trần Thị L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2014/0036856 ngày 20/3/2017.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã Y
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

Hoàng Trí Lý